

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu thuận tình ly hôn giữa những người yêu cầu:

- Anh Trần Hồng V - sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Số nhà A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

- Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về hôn nhân: Anh V và chị N đều trình bày: Anh V và chị N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/1983 tại UBND phường H, thị xã Thái Bình (nay là phường L thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về kinh tế dẫn đến bất đồng về tình cảm. Vợ chồng đã nhiều lần tự giải quyết với nhau nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay vợ chồng xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, cả hai đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Việc ly hôn anh V và chị N đều đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

[2] Vợ chồng thỏa thuận:

[2.1] Về nuôi con: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Trần Việt H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1985; Trần Quang H, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1993. Cả hai con đều đã trưởng thành tự lập được kinh tế có cuộc sống riêng.

[2.2] Về chia tài sản: Vợ chồng thống nhất có một ngôi nhà và đất, diện tích khoảng 45 m<sup>2</sup> tại tổ 18, phường T, thành phố T, vợ chồng tự chia, vợ chồng đều không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản.

[2.3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh V, chị N mỗi người phải nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung của việc ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hồng V và chị Đỗ Thị N thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Trần Việt H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1985; Trần Quang H, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1993. Cả hai con đều đã trưởng thành tự lập được kinh tế có cuộc sống riêng.

- Về chia tài sản: Vợ chồng đều không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh V, chị N mỗi người phải nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp biên lai số 0000587 ngày 25/4/2022 thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND P. L,
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Mạnh**